

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm mạnh trước áp lực chốt lời của nhà đầu tư sau thông tin dư nợ margin các công ty chứng khoán đạt mức cao kỷ lục trong quý 1/2021

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL giảm điểm do diễn biến tiêu cực từ thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

HPG, MWG

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị mở thêm 1 phần vị thế mang tính trading T+ cho danh mục còn nắm giữ khi chỉ số xuống quanh vùng hỗ trợ

22/04/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,227.82	-3.19
VN30	1,271.53	-3.13
HĐTL VN30F1M	1,261.20	-2.98
HNXIndex	287.04	-3.18
HNX30	421.35	-4.86
UPCoM	79.75	-2.42
USD/VND	23,073	+0.01
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.34	-3
Lãi suất qua đêm (%)	0.37	+13
Dầu (WTI, \$)	60.95	-0.65
Vàng (LME, \$)	1,787.58	-0.35

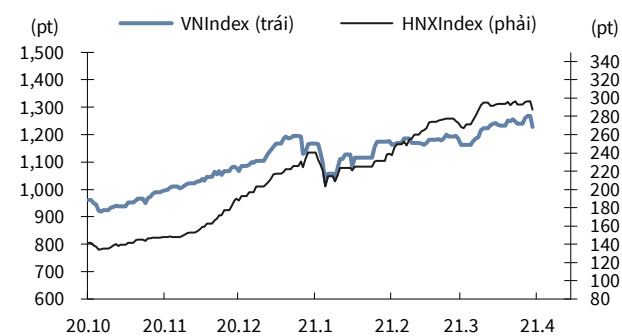


Điểm nhấn thị trường

VNIndex	1,227.82 (-3.19%)
KLGD (triệu CP)	770.4 (+3.5%)
GTGD (triệu US\$)	895.6 (-10.6%)
HNXIndex	287.04 (-3.18%)
KLGD (triệu CP)	180.4 (+12.5%)
GTGD (triệu US\$)	142.4 (+15.8%)
UPCoM	79.75 (-2.42%)
KLGD (triệu CP)	64.6 (-7.0%)
GTGD (triệu US\$)	39.0 (+11.7%)
NĐTNN mua ròng (triệu US\$)	-5.0

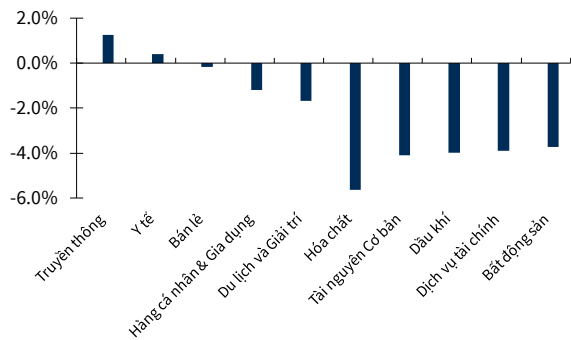
TTCK Việt Nam giảm mạnh trước áp lực chốt lời của nhà đầu tư sau thông tin dư nợ margin các công ty chứng khoán đạt mức cao kỷ lục trong quý 1/2021. Thông tin trên tác động tiêu cực đến cổ phiếu vốn hóa lớn như MSN (-6.9%), HPG (-3.9%). Giá dầu giảm bởi các diễn biến tiêu cực như tồn kho dầu tại Mỹ bất ngờ tăng, số ca nhiễm Covid-19 tại nhiều nước châu Á ghi nhận mức tăng kỷ lục và Iran cùng các cường quốc chuẩn bị bước vào vòng đàm phán để cứu thỏa thuận hạt nhân 2015 khiến cổ phiếu ngành dầu khí giảm PVS (-9.9%), PVD (-6.9%), GAS (-2.5%). Cổ phiếu VietinBank CTG (-6.8%) giảm giá sau thông tin từ Chủ tịch cho biết ngân hàng chưa có kế hoạch chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư mới. Tôm nước ấm của Ấn Độ được loại khỏi danh sách thuế quan DST của Hoa Kỳ (trước đó mức thuế dự kiến bị áp lên tới 25%) khiến cổ phiếu ngành thủy sản giảm giá MPC (-4.3%), FMC (-4.2%). Khối ngoại bán ròng ở HPG (-3.9%), VPB (-1.0%), VSC (-2.9%).

VNIndex & HNXIndex



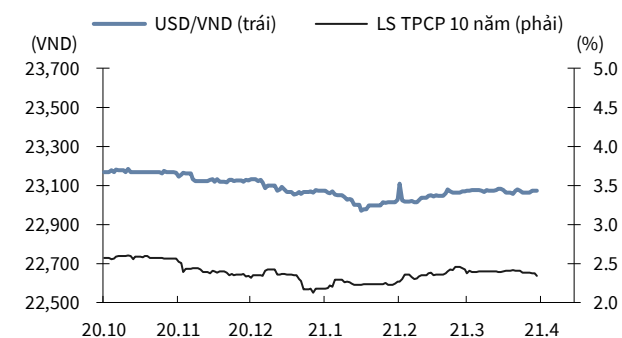
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

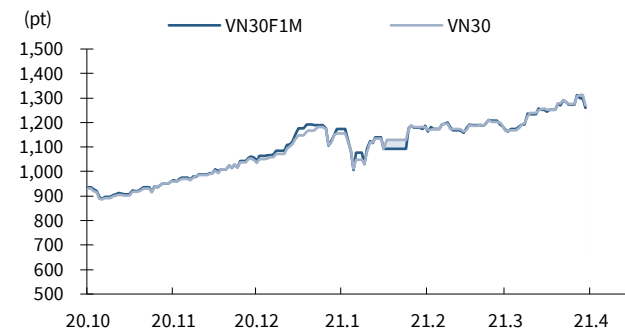
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,271.53 (-3.13%)
VN30F1M	1,261.2 (-2.98%)
Mở cửa	1,301.0
Cao nhất	1,312.8
Thấp nhất	1,261.2

HĐTL giảm điểm do diễn biến tiêu cực từ thị trường cơ sở. Chênh lệch F2105 và VN30 mở cửa ở mức -8.9 và giảm dần trong phiên, đóng cửa ở mức -10.33. NĐTNN bán ròng mạnh trong phiên hôm nay. Thanh khoản thị trường giảm nhẹ.

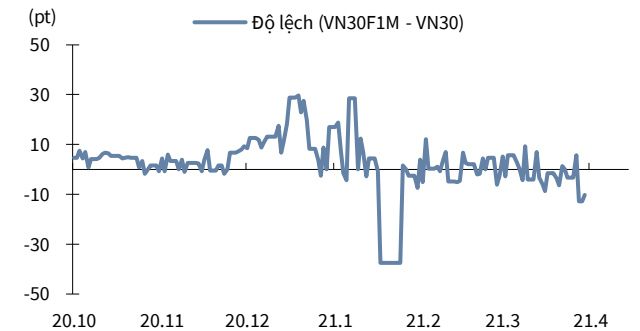
KLGD (HĐ)	248,550 (-11.7%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



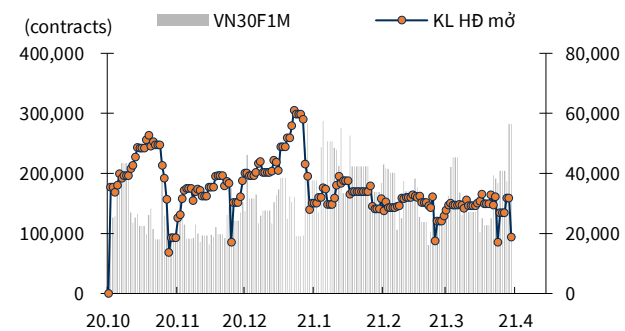
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



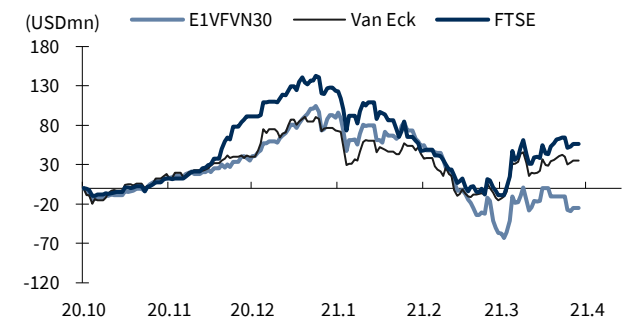
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

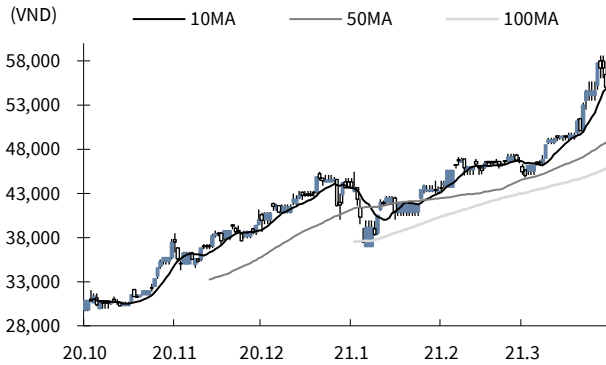
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

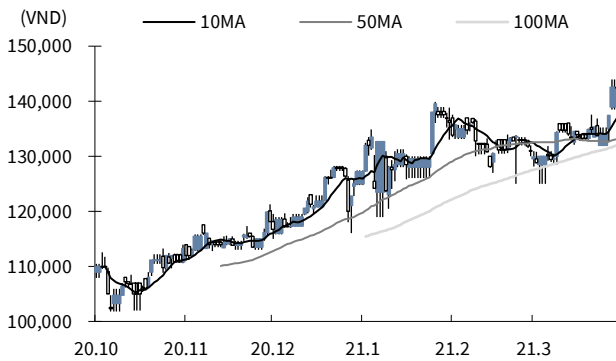
Hòa Phát (HPG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG giảm 3.9% xuống 55,000 VNĐ/cp.
- Hòa Phát thông báo kết quả kinh doanh quý 1/2021 với lợi nhuận 7,000 tỷ đồng, gấp 3 lần cùng kỳ và doanh thu 31,000 tỷ đồng (+63% YoY). Hòa Phát thống nhất chia cổ tức năm 2020 tỷ lệ 40%, trong đó 35% bằng cổ phiếu và 5% bằng tiền mặt.
- Hòa Phát lên kế hoạch triển khai dự án đầu tư khu liên hợp sản xuất Gang thép Hòa Phát Dung Quất 2 với công suất dự kiến 5.6 triệu tấn/năm, dự kiến đầu năm 2024 sẽ hoàn thành.

Thế giới di động (MWG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MWG đóng cửa đi ngang ở mức 142,500 VNĐ/cp.
- HĐQT MWG dự kiến chia cổ tức tiền mặt cho năm 2020 tối đa 15% và cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với tỷ lệ 50%.
- Năm 2021, công ty đưa ra kế hoạch lợi nhuận 4,750 tỷ đồng (+12% YoY) và doanh thu 125,000 tỷ đồng (+15% YoY).

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



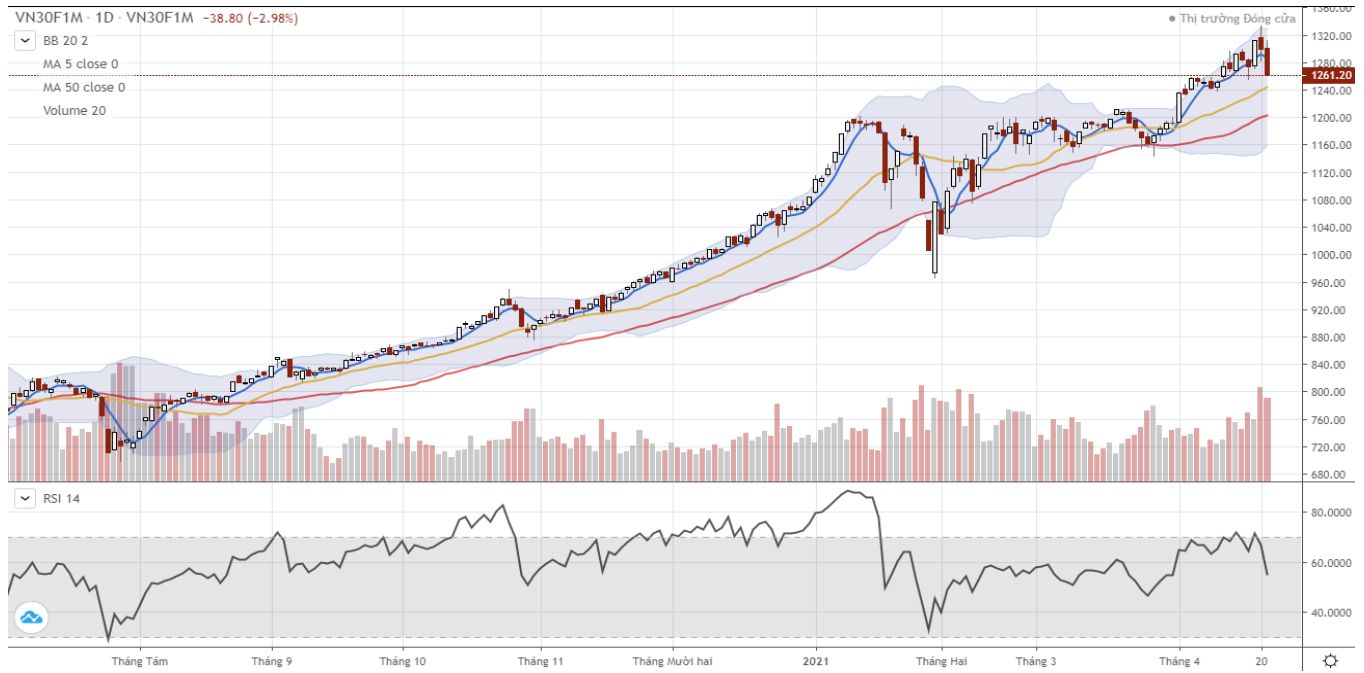
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến giảm điểm tiêu cực với nhịp bán tháo mạnh về cuối phiên.
- Phiên phân phối lớn hôm nay đồng thời cũng là phiên xác nhận cho mẫu hình nến "Shooting star" làm tăng rủi ro bước vào nhịp điều chỉnh trung hạn mà chúng tôi đã lưu ý. Trước mắt, vùng hỗ trợ đáng chú ý được xác định quanh 1210 và thị trường nhiều khả năng sẽ cho phản ứng phục hồi T+.
- NĐT được khuyến nghị mở thêm 1 phần vị thế mang tính trading T+ cho danh mục còn nắm giữ khi chỉ số xuống quanh vùng hỗ trợ.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1274 - 1279

Kháng cự gần: 1268 - 1270

Hỗ trợ gần: 1254 - 1256

Hỗ trợ xa: 1245 - 1250

- F1 diễn biến giằng co trước khi gặp phải áp lực bán tháo mạnh về cuối phiên.
- Phiên phân phối lớn hôm nay đồng thời cũng là phiên xác nhận cho mẫu hình nến đảo chiều, làm tăng rủi ro bước vào nhịp điều chỉnh trung hạn mà chúng tôi đã lưu ý. Trước mắt, vùng hỗ trợ đáng chú ý được xác định tại 1245-1250 và F1 nhiều khả năng sẽ cho phản ứng phục hồi T+.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Quay lại chiến lược trading linh hoạt 2 chiều.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở lại 1 phần vị thế qua đêm nếu chỉ số lùi xuống vùng hỗ trợ xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

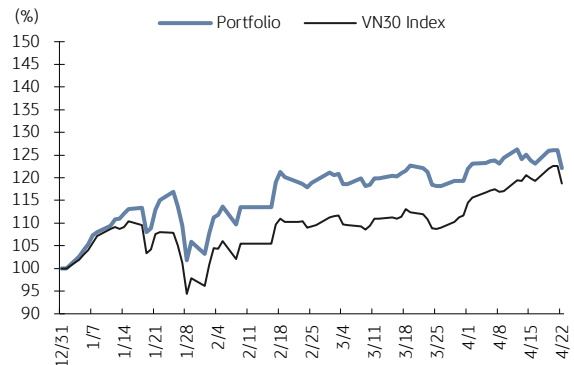
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-3.13%	-3.17%
Tăng lũy kế (YTD)	18.75%	22.10%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 22/04/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	142,500	0.0%	23.0%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	34,100	-1.7%	39.4%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	93,900	-0.5%	22.5%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	29,200	-4.3%	71.8%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế hệ thống vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	51,200	-1.5%	50.6%	- Mạng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	80,000	-3.5%	139.0%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	39,150	-6.8%	60.5%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	85,800	-2.5%	16.9%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	55,000	-3.8%	181.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	34,700	-7.0%	153.3%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
MWG	0.0%	49.0%	694.9
VIC	-3.0%	14.5%	132.2
GMD	-3.9%	37.6%	28.1
PNJ	-0.5%	49.0%	27.4
VNM	-1.3%	55.7%	22.7

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-3.9%	30.4%	-236.1
VPB	-1.0%	23.4%	-151.3
VSC	-2.9%	23.3%	-118.8
VRE	-6.9%	30.6%	-83.2
DXG	-6.4%	33.3%	-56.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCS	-3.3%	3.8%	0.9
IDV	-3.0%	18.1%	0.7
BAX	-1.2%	10.2%	0.5
INN	-2.0%	6.4%	0.5
THT	-5.8%	5.3%	0.4

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	-9.9%	8.6%	-10.9
VND	-3.1%	24.3%	-5.5
TTH	-8.1%	1.1%	-0.7
ART	-4.8%	3.7%	-0.7
SCI	-8.4%	0.3%	-0.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	5.9%	MWG, ABS
Truyền thông	1.5%	ADG, PNC
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.0%	PNJ, RAL
Bất động sản	0.0%	VHM, NVL
Tài nguyên Cơ bản	-0.1%	HPG, VIS

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	-9.3%	GVR, DCM
Dầu khí	-6.6%	PLX, PVD
Ô tô và phụ tùng	-5.7%	TCH, HHS
Dịch vụ tài chính	-5.4%	SSI, HCM
Xây dựng và Vật Liệu	-3.5%	HT1, CII

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	19.7%	HPG, HSG
Bất động sản	13.7%	VIC, NVL
Bán lẻ	10.7%	MWG, ABS
Hàng cá nhân & Gia dụng	7.6%	PNJ, TCM
Ngân hàng	5.8%	VCB, VPB

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-17.9%	YEG, PNC
Hóa chất	-10.5%	GVR, PHR
Dầu khí	-8.9%	PLX, PVD
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-3.7%	GAS, POW
Bảo hiểm	-1.9%	BVH, BIC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	110,000	372,067 (16,170)	363,076 (15.7)	22.5	64.3	55.1	14.7	8.1	10.4	5.1	4.6	-3.0	-0.9	29.4	28.3
	VHM	VINHOMES JSC	103,200	339,478 (14,753)	425,035 (18.4)	26.6	11.1	9.2	35.9	31.0	28.2	3.0	2.3	-5.1	2.6	3.8	15.2
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	219,752 (9.5)	17.8	25.8	20.1	-7.6	9.3	11.0	2.3	2.1	-6.9	-8.0	-6.9	2.5
	NVL	NO VA LAND INVES	81,500	86,712 (3,768)	260,349 (11.3)	31.3	26.9	20.8	6.7	13.5	15.4	3.5	2.9	-1.1	7.2	32.8	64.4
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	34,300	19,167 (833)	76,102 (3.3)	11.6	15.1	11.5	18.0	15.2	17.6	2.1	1.8	-3.4	4.1	3.1	12.6
	DXG	DAT XANH GROUP	24,300	12,594 (547)	187,220 (8.1)	13.9	17.5	8.6	-	10.9	18.9	1.6	1.4	-6.4	0.6	-2.6	50.5
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	198,693 (8.6)	6.3	18.0	14.6	11.7	20.6	21.6	3.2	2.8	0.0	4.4	6.2	5.2
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	157,035 (6.8)	12.7	16.7	11.7	-5.3	11.9	15.4	1.8	1.5	-5.1	-6.8	-8.2	-14.4
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	458,334 (19.9)	0.0	9.4	8.2	14.3	18.2	17.6	1.6	1.3	-3.5	-5.0	-3.9	26.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	36,800	137,021 (5,955)	652,081 (28.3)	1.4	8.3	7.5	61.1	19.5	19.0	1.4	1.3	-6.8	-8.4	-4.7	13.3
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,300	101,381 (4,406)	283,974 (12.3)	0.0	9.9	8.3	18.8	20.4	19.9	1.9	1.5	-1.0	-2.2	9.1	50.8
	MBB	MILITARY COMMERC	26,200	73,327 (3,187)	531,664 (23.0)	0.0	7.9	6.6	14.6	19.8	20.1	1.4	1.2	-4.3	-6.6	1.9	28.1
	HDB	HDBANK	25,500	40,641 (1,766)	126,154 (5.5)	4.2	7.6	6.4	23.3	20.1	21.3	1.6	1.3	-3.3	-5.7	-2.4	10.7
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	864,430 (37.5)	14.0	14.5	8.7	26.5	9.7	13.5	1.3	1.1	-6.7	-8.3	9.4	24.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	147,343 (6.4)	0.0	6.8	5.2	37.5	23.3	23.4	1.3	1.1	-2.9	-8.9	-6.3	0.7
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	30,795 (1.3)	0.2	52.2	50.4	27.3	3.6	3.6	1.8	1.8	-6.6	0.2	30.7	31.4	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	64,153 (2.8)	21.0	25.0	21.2	15.2	8.2	9.5	2.0	1.9	-3.3	-4.4	-6.8	-12.1
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,700	2,439 (106)	12,713 (0.6)	14.2	13.8	12.0	9.1	9.3	10.2	1.1	1.0	-1.8	9.4	2.0	-8.5
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,300	19,947 (867)	466,932 (20.2)	55.4	14.2	13.2	-3.2	12.7	12.8	-	-	-6.9	-	-4.9	-4.1
	VCI	VIET CAPITAL SEC	55,000	9,108 (396)	99,215 (4.3)	71.9	13.0	-	-4.0	15.5	-	-	-	-3.9	-9.5	-8.6	4.5
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	132,998 (5.8)	52.4	17.3	-	-19.0	14.6	-	-	-	-6.3	-	-6.4	-4.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	27,500	5,734 (249)	256,025 (11.1)	27.2	-	-	36.3	11.2	-	-	-	-3.0	-5.7	15.1	16.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	377,465 (16.4)	42.1	19.0	17.3	4.0	34.7	35.1	6.0	5.4	-1.3	-1.3	-2.8	-9.9
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	25,427 (1.1)	36.9	20.7	17.8	7.3	25.4	26.0	4.6	4.2	-1.4	-3.0	-6.4	-14.1
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	244,029 (10.6)	16.5	41.9	25.5	-51.9	13.8	20.5	6.1	4.9	-6.9	-2.5	11.5	10.5
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	173,603 (7.5)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-5.8	-	-7.0	-22.3
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	67,097 (2.9)	11.0	63.1	22.3	-88.3	5.2	18.8	4.2	3.3	-0.5	-1.2	-1.7	4.3
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	88,166 (3.8)	10.8	19.5	15.1	-57.0	7.8	10.5	1.5	1.6	-3.9	-7.5	-7.5	-1.8
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	79,488 (3.4)	38.4	15.2	5.4	65.7	7.3	16.8	-	-	-0.7	-	-	-1.4
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (91)	244,305 (10.6)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-0.1	16.5	82.6	210.3
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	21,600	10,411 (452)	200,661 (8.7)	37.7	22.0	11.6	-12.7	9.9	14.7	-	-	-2.0	-9.9	7.5	11.6
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	49,574 (2.1)	3.6	9.6	9.1	-52.4	6.1	6.7	0.6	0.6	-3.9	-5.0	-	-14.4
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	29,943 (1.3)	0.0	8.9	7.5	-4.5	14.6	13.0	1.2	1.4	-1.5	-3.2	-9.4	4.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	73,067 (3.2)	46.1	16.1	15.4	-17.5	19.6	19.8	3.1	2.9	-2.5	-0.8	-5.2	-0.9
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	11,512 (0.5)	31.4	12.9	10.5	-10.5	12.6	15.8	1.5	1.5	-0.5	-5.2	-9.0	-15.4
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	16,530 (0.7)	34.1	11.7	11.3	-5.1	11.3	12.2	1.4	1.4	-1.5	-2.5	6.3	10.4
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	43,850	145,287 (6,314)	1,135,950 (49.2)	18.0	9.4	8.6	21.9	27.3	24.0	2.3	2.1	-3.8	3.8	17.6	32.7
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	36,721 (1.6)	36.5	10.6	13.0	-0.5	9.2	7.5	0.9	0.9	-2.6	-6.0	-4.1	-0.5
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	58,982 (2.6)	46.5	14.2	15.0	-4.5	9.6	9.0	1.3	1.3	-6.8	12.4	-7.0	13.2
	HSG	HOA SEN GROUP	24,900	11,063 (481)	269,750 (11.7)	38.9	7.6	7.3	67.9	21.9	21.4	1.6	1.4	-7.0	-2.0	2.1	32.5
	AAA	AN PHÁT BIOPLAST	14,150	3,138 (136)	74,328 (3.2)	97.2	10.6	9.6	17.2	10.3	11.0	1.0	0.9	-6.9	-8.7	-2.4	13.2
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	67,807 (2.9)	4.6	17.5	15.6	-51.0	16.5	17.2	2.7	2.6	-3.6	-7.6	-8.9	-6.6
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	143,589 (6.2)	39.9	29.4	18.1	-11.9	1.7	3.1	0.6	0.6	-6.9	-9.2	13.2	25.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	58,893 (2.6)	35.9	7.8	7.2	1.2	13.7	13.9	1.0	1.0	-5.6	10.3	-9.8	15.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	139,500	65,024 (2,826)	114,706 (5.0)	0.0	13.6	10.8	13.7	27.6	27.8	3.3	2.8	0.0	5.2	8.0	19.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	52,031 (2.3)	0.0	17.2	13.5	2.4	22.6	24.1	3.7	3.0	-0.5	2.6	11.5	15.9
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	5,510 (0.2)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	6.8	-7.9	40.3	-49.2
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	63,257 (2.7)	30.3	15.0	12.6	-75.2	10.2	14.1	-	-	-4.8	-8.8	-7.4	-12.5
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	35,833 (1.6)	34.6	8.5	8.5	41.2	26.4	23.4	2.1	2.1	-4.6	-9.8	16.9	-17.9
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	884 (0.0)	45.4	17.3	16.3	10.7	21.1	20.6	3.4	3.1	3.0	1.4	-0.7	-3.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	172 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	0.5	-5.1	-4.2	-2.0
IT	FPT	FPT CORP	78,200	61,301 (2,664)	179,086 (7.8)	0.0	16.0	13.5	15.6	24.4	25.8	3.4	3.0	-3.5	-1.2	1.7	35.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhhd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh

anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu

hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.